

Số: 09/TB-THADS

Lộc Ninh, ngày 14 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO
Về kết quả lựa chọn tổ chức bán đấu giá

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số 10/2023/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 541/QĐ-CCTHADS ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số 27/QĐ-CCTHADS ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh;

Căn cứ kết quả thẩm định giá số 324/2024/136/CT-TĐG.MDC; 324/2024/135/CT-TĐG.MDC; 324/2024/134/CT-TĐG.MDC ngày 23 tháng 9 năm 2024 của công ty cổ phần thẩm định giá và tư vấn bất động sản Mạnh Đạt;

Căn cứ kết quả đánh giá, chấm điểm tổ chức bán đấu giá tài sản.

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh lựa chọn: Công ty đấu giá hợp danh Đông Nam.

Địa chỉ: số 56 Hiền Vương, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh Bình Phước số 88, quốc lộ 14, đội 5, ấp 1, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản các tài sản đã kê biên sau:

1. Quyền sử dụng 95.031 m² (Chín mươi lăm ngàn không trăm ba mươi một mét vuông) đất thuộc thửa đất số 365, tờ bản đồ số 00, địa chỉ thửa đất tại ấp Bù Tam, xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng 9/2053. Đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BC 409369 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00172 do Ủy ban nhân dân huyện Lộc Ninh cấp ngày 28 tháng 12 năm 2010 cho bà Võ Thị Thùy Trang. Qua đo đạc thực tế và đối chiếu với bản đồ chính quy năm 2022 của xã Lộc Quang có tổng diện tích là 96.498,1 m² (Chín mươi sáu ngàn bốn trăm chín mươi tám phẩy một mét vuông), diện tích tăng 1467,1 m² (Một ngàn bốn trăm sáu mươi bảy phẩy một mét vuông) so với giấy chứng nhận số CH 00172, cấp ngày 28 tháng 12 năm 2010. Cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất.

2. Quyền sử dụng 158.415m² (*Một trăm năm mươi tám ngàn bốn trăm mười lăm mét vuông*) đất thuộc thửa đất số 366, tờ bản đồ số 00, địa chỉ thửa đất tại ấp Bù Tam, xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đến 06/2054. Đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BC 409370 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00171 do Ủy ban nhân dân huyện Lộc Ninh cấp ngày 28 tháng 12 năm 2010 cho bà Võ Thị Thùy Trang. Qua đo đạc thực tế và đối chiếu với bản đồ chính quy năm 2022 của xã Lộc Quang có tổng diện tích là 146.567,7m², diện tích giảm 9.620,4m² so với giấy chứng nhận số H 00471 cấp ngày 28.12.2010. Cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất.

3. Quyền sử dụng 146.300 m² (*Một trăm bốn mươi sáu ngàn ba trăm mét vuông*) đất thuộc thửa đất số 42, tờ bản đồ số 00, địa chỉ thửa đất tại ấp 9, xã Lộc Điền, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đến 05/2042. Đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AL 410187 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00256 do Ủy ban nhân dân huyện Lộc Ninh cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007 cho bà Võ Thị Thùy Trang. Qua đo đạc thực tế và đối chiếu với bản đồ chính quy năm 2022 xã Lộc Điền thì thửa đất nói trên thuộc thửa đất số 42, tờ bản đồ số 02 xã Lộc Điền có diện tích 147.269,2m² (*Một trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm sáu mươi chín phẩy hai mét vuông*) diện tích thực tế tăng 969,2m² (*Chín trăm sáu mươi chín phẩy hai mét vuông*) so với giấy chứng nhận số H00256 cấp 15/11/2007 do UBND huyện Lộc Ninh cấp. Cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất.

Vậy, thông báo để Công ty đấu giá hợp danh Đông Nam biết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN



Trần Tuấn Anh

THÔNG BÁO KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

- Căn cứ thông báo số 05/TB-THADS ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh.

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tên, địa chỉ tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn: Công ty đấu giá hợp danh Đông Nam
Địa chỉ: 56 Hiền Vương, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, TP. HCM.
Địa chỉ chi nhánh Bình Phước: số 88, quốc lộ 14, đội 5, ấp 1, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.
2. Tổng số điểm của tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn: 93 điểm
3. Tổ chức đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không.

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA	Công ty Đấu giá Hợp danh Đông Nam	Công ty Đấu giá...
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0	23,0	
1	<i>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</i>	<i>11,0</i>	<i>11,0</i>	
1.1	<i>Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)</i>	<i>6,0</i>	<i>6,0</i>	
1.2	<i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện</i>	<i>5,0</i>	<i>5,0</i>	
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0	8,0	
2.1	<i>Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá</i>	<i>4,0</i>	<i>4,0</i>	
2.2	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá</i>	<i>4,0</i>	<i>4,0</i>	

3	<i>Có trang thông tin điện tử đang hoạt động</i>	2,0	2,0	
4	<i>Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến</i>	1,0	1,0	
5	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	1,0	1,0	
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả <i>(Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</i>	22,0	22,0	
1	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan</i>	4,0	4,0	
2	<i>Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	4,0	4,0	
3	<i>Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giá</i>	4,0	4,0	
4	<i>Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá</i>	4,0	4,0	
5	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i>	3,0	3,0	
6	<i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>	3,0	3,0	
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0	45,0	
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu</i>	6,0	6,0	

	<i>giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>			
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0		
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0		
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0		
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0		
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0	6,0	
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i>	18,0	18,0	
2.1	<i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>	10,0		
2.2	<i>Từ 20% đến dưới 40%</i>	12,0		
2.3	<i>Từ 40% đến dưới 70%</i>	14,0		
2.4	<i>Từ 70% đến dưới 100%</i>	16,0		
2.5	<i>Từ 100% trở lên</i>	18,0	18,0	
3	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</i>	5,0	5,0	

3.1	Dưới 03 năm	3,0		
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0		
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0	5,0	
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3,0	3,0	
4.1	01 đấu giá viên	1,0		
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0		
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0	3,0	
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4,0	4,0	
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0		
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0		
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0	4,0	
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0	5,0	
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0		

6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0		
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0		
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0	5,0	
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0	3,0	
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0		
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0	3,0	
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0	1,0	
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0	3,0	
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0	3,0	
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0		
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0		
V	Tiêu chí khác	5,0	0,0	
Tổng số điểm		100	93,0	



VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố			
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện	
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện		

Nơi nhận:

- Công thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (dạng thông tin);
- Lưu VT.

**CHẤP HÀNH VIÊN****Trần Tuấn Anh**